

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NAGAKAWA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**Đã được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT**

HÀ NỘI, 2013



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán	6-7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	8-11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2012</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2012</i>	13-14
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012</i>	15-42

31
Đ
NH
EM
A
VF
/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 8 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 08 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 số 2500217389 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12 tháng 01 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 148.495.780.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất và mua bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Mua bán dụng cụ y tế;
- Khai thác quặng sắt (DN chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (DN chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê kho bãi;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành Phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	636 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê Tây, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	192/29 đường T5, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp	80%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4 với tỷ lệ sở hữu là 40%. Ngày 17 tháng 01 năm 2012, Công ty ký hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần, bán lại toàn bộ số cổ phần này cho bà Nông Thị Duyên với giá trị 125 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 4 năm 2012, hai bên đã thực hiện ký biên bản thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2012 và ngày 22 tháng 10 năm 2012, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bán lại số cổ phần này cho Công ty Cổ phần khai thác chế biến Khoáng sản Việt và ông Bùi Đình Chiên với giá trị lần lượt là 95 tỷ đồng và 5 tỷ đồng. Khoản chuyển nhượng này đã thu được 55 tỷ đồng, số tiền chưa thu hồi được là 45 tỷ đồng (trong đó có 40 tỷ đồng của Công ty Cổ phần khai thác chế biến Khoáng sản Việt và 5 tỷ đồng của Ông Bùi Đình Chiên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Diệu Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (VP AUDIT) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

Ngày 26 tháng 3 năm 2013





INCREASING YOUR VALUE

Số : 05/2012.04/VPA-BCTC

Ngày : 26 tháng 3 năm 2013

Nơi nhận : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Về việc : **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**
về Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 26 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh
Chứng chỉ KTV số: Đ.0053/KTV

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà
Chứng chỉ KTV số: 1603/KTV

3:
T
H
TO
V
11
11/2/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.045.638.656	294.189.437.152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.960.294.739	6.627.192.023
1. Tiền	111		3.120.294.739	6.627.192.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		840.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.591.706.464	94.575.783.054
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	111.778.237.596	63.894.373.670
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	21.795.136.250	20.676.521.232
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	-	10.986.555.534
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(981.667.382)	(981.667.382)
IV. Hàng tồn kho	140		89.034.284.952	139.779.321.033
1. Hàng tồn kho	141	V.6	89.034.284.952	139.779.321.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.459.352.501	53.207.141.042
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	369.415.467	356.365.220
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		571.274.547	10.128.838.134
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	111.003.589
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	44.518.662.487	42.610.934.099

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.922.549.233	163.485.847.489
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.607.881.967	45.837.583.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	37.595.524.824	45.809.455.748
<i>Nguyên giá</i>	222		87.851.940.297	87.715.959.497
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(50.256.415.473)	(41.906.503.749)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12.357.143	28.128.201
<i>Nguyên giá</i>	228		160.962.600	160.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(148.605.457)	(132.834.399)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.175.969.451	117.224.739.312
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	4.175.969.451	4.224.739.312
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	37.000.000.000	113.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		138.697.815	423.524.228
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	69.367.241	142.438.442
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	69.330.574	139.907.354
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	-	141.178.432
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349.968.187.889	457.675.284.641

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		211.389.477.156	309.585.197.909
I. Nợ ngắn hạn	310		209.099.449.702	221.101.060.741
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	131.217.765.150	126.653.293.728
2. Phải trả người bán	312	V.18	8.146.219.348	20.464.228.002
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	48.683.327.210	51.222.461.717
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	13.477.639.059	10.028.367.729
5. Phải trả người lao động	315		702.484.602	862.225.607
6. Chi phí phải trả	316	V.21	6.125.788.442	11.391.886.174
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	688.702.858	421.074.751
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.523.033	57.523.033
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.290.027.454	88.484.137.168
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	-	86.610.863.415
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	144.437.762
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.24	2.290.027.454	1.728.835.991
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.842.253.435	145.473.674.286
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	135.842.253.435	145.473.674.286
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.000)	(20.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.874.625	2.955.874.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		544.719.321	544.719.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21.826.210.511)	(12.194.789.660)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.26	2.736.457.298	2.616.412.446
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		349.968.187.889	457.675.284.641



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		296,86	34,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

38
NC
HIỆ
M
AN
H
C
V
F
A
T
N

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	259.392.683.115	299.608.188.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.479.508.583	8.515.958.111
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	253.913.174.532	291.092.230.257
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	204.026.823.483	241.128.562.216
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.886.351.049	49.963.668.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	317.898.468	2.827.293.907
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.679.969.605	38.225.265.508
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.491.937.212	36.104.323.876
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.568.986.025	9.895.253.948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.958.006.118	20.424.614.421
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.002.712.231)	(15.754.171.929)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.462.764.079	155.103.310
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.018.209.606	590.853.652
13. Lợi nhuận khác	40		444.554.473	(435.750.342)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(48.769.861)	(197.769.462)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.606.927.619)	(16.387.691.733)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	833.871.600	73.782.854
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	70.576.780	(118.430.451)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(9.511.375.999)</u>	<u>(16.343.044.136)</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		120.044.852	37.859.276
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(9.631.420.851)	(16.380.903.412)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>(649)</u>	<u>(1.113)</u>

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(8.606.927.619)	(16.387.691.733)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.365.682.782	8.614.299.363
- Các khoản dự phòng	03		-	125.087.382
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		51.752.041	235.710.629
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		12.730.871.393	(2.072.291.666)
- Chi phí lãi vay	06		28.491.937.212	36.104.323.876
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.033.315.809	26.619.437.851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.305.029.722)	(15.610.452.026)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.745.036.081	(28.488.826.012)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.680.363.986)	47.681.024.427
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		60.020.954	741.502.550
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.037.131.097)	(25.204.907.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(601.737.043)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30.843.307.725	2.362.061.484
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.513.456.082)	(38.201.548.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61.145.699.682	(30.703.445.316)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(135.980.800)	(944.216.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(113.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		55.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		317.898.468	2.072.291.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.181.917.668	(108.871.924.516)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	25.420.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		75.209.114.953	319.928.508.335
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(157.203.613.425)	(206.170.404.621)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(81.994.498.472)	139.178.103.714
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.666.881.122)	(397.266.118)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.627.192.023	7.024.523.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(16.162)	(65.472)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.960.294.739	6.627.192.023

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

2012
CƠ
H N
IẾT
H
D/V

11
A
11

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh trong năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

82-c
CY
QU
DÁ
VIỆ
IP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty mẹ được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Tại Công ty mẹ

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 19121000057 ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam. Theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong 12 năm đầu tiên kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh thuế suất là 15%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 11 của dự án tính từ thời điểm dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép đầu tư số 24/GP-VP ngày 22/8/2002 và là năm tài chính thứ 7 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Tại Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Theo Thông tư 140 /2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa Việt Nam thuộc đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.



XXXXXXXXXX

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá mua vào bình quân của các Ngân hàng tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tại nhiều ngân hàng thương mại có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì khi quy đổi thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

131
VN
NH
EM
AT
VH
/

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.038.562.532	4.091.138.465
Tiền gửi ngân hàng	1.924.874.607	2.536.053.558
Tiền đang chuyển	156.857.600	-
Các khoản tương đương tiền	840.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	840.000.000	-
Cộng	<u>3.960.294.739</u>	<u>6.627.192.023</u>

2. Phải thu khách hàng

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	77.341.477.858	33.518.860.047
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	3.245.459.568	7.728.427.864
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	1.287.591.974	957.773.933
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP. Hồ Chí Minh	1.517.399.321	8.057.030.611
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	28.386.308.875	13.632.281.215
Cộng	<u>111.778.237.596</u>	<u>63.894.373.670</u>

3. Trả trước cho người bán

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	21.014.792.879	3.680.398.074
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP. Hồ Chí Minh	-	164.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	780.343.371	16.832.123.158
Cộng	<u>21.795.136.250</u>	<u>20.676.521.232</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư	-	1.986.250.000
Phải thu tiền ứng vốn ủy thác đầu tư	-	9.000.000.000
Các khoản phải thu khác	-	305.534
Cộng	<u>-</u>	<u>10.986.555.534</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.413.797.247	33.295.913.608
Công cụ, dụng cụ	4.800.000	9.600.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.118.675.892	29.026.374.865
Thành phẩm	17.666.284.963	39.465.040.782
Hàng hóa	25.227.461.917	24.246.321.638
Hàng gửi đi bán	2.603.264.933	13.736.070.140
Cộng	<u>89.034.284.952</u>	<u>139.779.321.033</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê văn phòng	245.528.178	221.210.000
Giá trị CCDC xuất dùng	6.044.454	125.431.887
Chi phí bảo trì, sửa chữa phần mềm	27.479.167	9.723.333
Chi phí bảo hiểm tài sản	47.599.342	-
Chi phí trả trước khác	42.764.326	-
Tiền gửi xe ô tô 3 tháng	2.727.273	-
Chi phí lắp đặt, sửa chữa đường ống khí, nâng nền, bảo vệ cây xanh...	22.729.167	-
Chi phí tiền công quản lý, vận hành đường dây 22KV	17.307.886	-
Cộng	<u>369.415.467</u>	<u>356.365.220</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	111.003.589
Cộng	<u>-</u>	<u>111.003.589</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	22.012.658.517	4.281.778.094
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	22.506.003.970	38.329.156.005
Cộng	<u>44.518.662.487</u>	<u>42.610.934.099</u>

(*): Trong đó có 18.000.000.000 đồng là tiền phát hành trái phiếu nhưng chưa được giải ngân do chưa có tài sản thế chấp (xem thêm thuyết minh số V.17).



11/1/12

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.069.620.194	60.309.329.802	4.601.212.633	674.788.231	61.008.637	87.715.959.497
Tăng do mua sắm mới	-	135.980.800	-	-	-	135.980.800
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	22.069.620.194	60.445.310.602	4.601.212.633	674.788.231	61.008.637	87.851.940.297
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.598.427.267	30.638.168.795	3.019.334.834	597.553.634	53.019.219	41.906.503.749
Tăng do trích khấu hao	1.413.436.102	6.247.320.671	628.747.976	52.417.557	7.989.418	8.349.911.724
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.011.863.369	36.885.489.466	3.648.082.810	649.971.191	61.008.637	50.256.415.473
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	14.471.192.927	29.671.161.007	1.581.877.799	77.234.597	7.989.418	45.809.455.748
Số cuối năm	13.057.756.825	23.559.821.136	953.129.823	24.817.040	-	37.595.524.824

Một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo sổ sách là 67.511.044.517 VND và 34.706.146.187 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	143.962.600	17.000.000	160.962.600
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	143.962.600	17.000.000	160.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	130.001.065	2.833.334	132.834.399
Khấu hao trong năm	10.104.391	5.666.667	15.771.058
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	140.105.456	8.500.001	148.605.457
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.961.535	14.166.666	28.128.201
Số cuối năm	3.857.144	8.499.999	12.357.143

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa (*)	28%	4.175.969.451	28%

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.040.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	100%
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(864.030.549)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	4.175.969.451

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ (*)	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4 (**)	-	113.000.000.000
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>113.000.000.000</u>

(*) Là khoản hợp tác với Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ về việc đầu tư khai thác khoáng sản tại mỏ Cao Lanh, tỉnh Cao Bằng, thời hạn hợp tác là 02 năm (thời hạn có thể được kéo dài theo sự thỏa thuận của hai bên).

(**) Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4 với tỷ lệ sở hữu là 40%. Trong năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư cho 02 đối tác cụ thể như sau:

Người mua	Ngày chuyển nhượng	Giá trị chuyển nhượng	Đã thu bằng tiền	Chưa thu được tiền
Công ty Cổ phần khai thác chế biến Khoáng sản Việt	24/7/2012	95.000.000.000	55.000.000.000	40.000.000.000
Ông Bùi Đình Chiên	22/10/2012	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng		100.000.000.000	55.000.000.000	45.000.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	31.932.539	89.461.003
Chi phí sửa chữa	-	52.394.113
Phí thiết kế thi công hạng mục nội thất, nhà xưởng	37.434.702	-
Chi phí bảo trì phần mềm	-	583.326
Cộng	<u>69.367.241</u>	<u>142.438.442</u>

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	139.907.354	21.476.903
Phát sinh trong năm	69.330.574	139.907.354
Hoàn nhập trong năm	(139.907.354)	(21.476.903)
Số cuối năm	<u>69.330.574</u>	<u>139.907.354</u>

16. Tài sản dài hạn khác

Là số dư ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH.HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	69.211.379.860	123.363.452.500
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Thanh Xuân	69.211.379.860	121.570.765.647
Ngân hàng NN và PTNT - Thị xã Phúc Yên	-	1.792.686.853
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	62.006.385.290	3.289.841.228
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Hàng Hải - chi nhánh Thanh Xuân (*)	2.006.385.290	3.289.841.228
Trái phiếu công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam (**)	60.000.000.000	
Cộng	<u>131.217.765.150</u>	<u>126.653.293.728</u>

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân để thanh toán tiền mua khuôn sản xuất vỏ, dàn trao đổi nhiệt điều hòa không khí trung tâm loại 100.000 BTU, 120.000 BTU. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay (kỳ đầu tiên) 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009; khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Là khoản phát hành trái phiếu theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 06/HĐTP/MSB ngày 06 tháng 7 năm 2011 ký giữa Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (“Tổ chức phát hành”) và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (“Nhà đầu tư”). Loại trái phiếu là trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo với tổng số trái phiếu là 85, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 2 năm từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2013. Lãi suất của năm đầu tiên là 25%/năm. Mục đích sử dụng để mua lại 40% cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng mới giải ngân cho đơn vị là 67.000.000.000 đồng theo tài sản đảm bảo, số chưa giải ngân là 18.000.000.000 đồng đang được phản ánh trên chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên Bảng Cân đối kế toán. Trong năm 2012, Công ty đã chuyển cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam số tiền 25.000.000.000 đồng. Số tiền nợ phải trả về trái phiếu đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 60.000.000.000 đồng.

18. Phải trả người bán

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	4.504.469.838	20.246.980.211
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	53.855.933	10.849.633
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	11.950.240	13.550.254
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP Hồ Chí Minh	589.192.525	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	2.986.750.812	192.847.904
Cộng	<u>8.146.219.348</u>	<u>20.464.228.002</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH.HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Người mua trả tiền trước**

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	39.671.108.490	41.404.551.366
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	9.036.376	705.515.648
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	-	-
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP Hồ Chí Minh	36.894.900	1.298.316.945
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	8.966.287.444	7.814.077.758
Cộng	<u>48.683.327.210</u>	<u>51.222.461.717</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.342.083.515	69.299.268
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	95.510.174	2.381.319.361
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.635.834.488	6.746.131.302
Thuế nhập khẩu	1.637.553.834	790.241.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp	741.736.612	40.153.778
Thuế thu nhập cá nhân	24.920.436	1.222.203
Cộng	<u>13.477.639.059</u>	<u>10.028.367.729</u>

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	943.953.576	560.891.542
Chi phí phải trả trạm bảo hành ủy quyền	228.402.000	147.722.000
Lãi trái phiếu phải trả	4.578.688.525	10.506.944.444
Chi phí thầu phụ thi công công trình Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- PGD Thái Nguyên	374.744.341	176.328.188
Cộng	<u>6.125.788.442</u>	<u>11.391.886.174</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	90.312.695	94.561.053
Bảo hiểm y tế	32.667.983	79.571.330
Bảo hiểm thất nghiệp	17.340.190	37.749.036
Lợi nhuận còn lại của Công ty liên doanh	96.918.688	96.918.688
Cổ tức năm 2007 còn phải trả cổ đông	93.052.800	93.052.800
Chênh lệch thuế nhập khẩu chờ xử lý	-	19.221.844
Phải trả khác	358.410.502	-
Cộng	<u>688.702.858</u>	<u>421.074.751</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH.HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Thanh Xuân	-	1.610.863.415
Trái phiếu phát hành	-	85.000.000.000
Cộng	-	86.610.863.415

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ. Chi tiết phát sinh trong năm của khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.728.835.991
Tăng do trích lập trong năm	2.290.027.454
Số đã sử dụng trong năm	(1.642.524.510)
Số hoàn nhập cuối năm	(86.311.481)
Số cuối năm	2.290.027.454



11/21/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	12.000.000.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	10.944.112.752	136.444.686.698
Cổ đông góp vốn bằng tiền	25.000.000.000	420.000.000	-	-	-	-	25.420.000.000
Phát hành cổ phiếu thường, lấy từ nguồn thặng dư	6.747.890.000	(6.747.890.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu, lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.747.890.000	-	-	-	-	(6.747.890.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(16.380.903.412)	(16.380.903.412)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.000.000)	(8.000.000)
Chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ phiếu lẻ	-	-	-	-	-	(2.109.000)	(2.109.000)
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(12.194.789.660)	145.473.674.286
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(12.194.789.660)	145.473.674.286
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(9.631.420.851)	(9.631.420.851)
Số dư cuối năm	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.826.210.511)	135.842.253.435

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	<u>154.167.870.000</u>	<u>154.167.870.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

26. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.616.412.446	2.580.553.170
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	120.044.852	37.859.276
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.000.000)
Số cuối năm	<u>2.736.457.298</u>	<u>2.616.412.446</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	<u>259.392.683.115</u>	<u>299.608.188.368</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	243.554.360.467	286.287.217.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.923.418.644	1.266.368.415
Doanh thu lắp đặt thiết bị điều hòa	8.914.904.004	12.054.601.981
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>5.479.508.583</u>	<u>8.515.958.111</u>
Chiết khấu thương mại	220.400.585	-
Hàng bán bị trả lại	342.336.364	1.254.498.822
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.916.771.634	7.261.459.289
Doanh thu thuần	<u>253.913.174.532</u>	<u>291.092.230.257</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	190.722.762.258	229.002.241.147
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.918.420.492	1.224.123.394
Giá vốn lắp đặt thiết bị điều hòa	7.385.640.733	10.902.197.675
Cộng	<u>204.026.823.483</u>	<u>241.128.562.216</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	317.898.468	630.790.287
Lãi cho vay	-	2.072.291.666
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	124.211.954
Cộng	<u>317.898.468</u>	<u>2.827.293.907</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	21.111.169.344	25.597.379.432
Lãi trái phiếu	7.380.767.868	10.506.944.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.280.352	1.885.231.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.752.041	235.710.629
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	13.000.000.000	-
Cộng	<u>41.679.969.605</u>	<u>38.225.265.508</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	793.011.498	1.047.924.554
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	168.959.422	18.621.574
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.992.644	154.578.120
Chi phí bảo hành	1.378.386.914	1.595.476.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.679.247.484	1.095.030.993
Chi phí bằng tiền khác	1.504.388.063	5.983.622.424
Cộng	<u>5.568.986.025</u>	<u>9.895.253.948</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.025.245.569	5.673.458.398
Chi phí đồ dùng văn phòng	256.778.865	402.019.779
Chi phí khấu hao TSCĐ	750.750.749	936.024.393
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	9.899.418
Chi phí dự phòng	-	125.087.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.819.124.383	9.641.245.393
Chi phí bằng tiền khác	1.097.106.552	3.636.879.658
Cộng	<u>11.958.006.118</u>	<u>20.424.614.421</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý vật tư linh kiện	75.374.656	-
Thu tiền phạt vi phạm	1.067.250	-
Thu cho thuê văn phòng	36.363.636	109.090.908
Thu cho thuê kho	3.262.962.360	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	86.913.562	-
Thu nhập khác	82.615	46.012.402
Cộng	<u>3.462.764.079</u>	<u>155.103.310</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản phạt hành chính về thuế	181.883.522	589.006.165
Chênh lệch quyết toán công trình	814.091	-
Các khoản thuế bị truy thu	807.345.005	-
Thuế ấn định với hàng hóa xuất khẩu	2.008.313.000	-
Chi phí khác	19.853.988	1.847.487
Cộng	<u>3.018.209.606</u>	<u>590.853.652</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	352.864.714	40.153.778
<i>Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ</i>	221.029.378	40.153.778
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa</i>	131.835.336	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	481.006.886	33.629.076
<i>Điều chỉnh tại Công ty mẹ</i>	459.721.709	33.629.076
<i>Điều chỉnh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa</i>	21.285.177	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>833.871.600</u>	<u>73.782.854</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	70.576.780	(118.430.451)



11/08/2012 12:00:00

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.631.420.851)	(16.380.903.412)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.631.420.851)	(16.380.903.412)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.849.576	14.719.439
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(649)	(1.113)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	10.999.998
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu bằng tiền	-	2.369.863
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành để chi trả cổ tức năm 2010	-	674.789
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng	-	674.789
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.849.576	14.719.439

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Năm 2011, Công ty đã phát hành 85 trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo với tổng giá trị là 85 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng TMCP Hàng Hải mới giải ngân cho đơn vị là 67 tỷ đồng theo tài sản đảm bảo, số chưa giải ngân đang được phản ánh ở chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4	-	104.000.000.000
Hoàn tiền ủy thác, tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4	-	95.000.000.000
Chi tạm ứng đầu tư	18.400.000.000	
Thu tạm ứng đầu tư	7.400.000.000	
Tạm ứng công tác	1.074.554.177	991.125.441
Hoàn tạm ứng	833.046.092	944.695.591
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư chưa sử dụng	-	1.986.250.000



11/07/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị tạm ứng	21.054.570.455	766.632.520
Phải thu tiền ứng vốn ủy thác đầu tư	-	9.000.000.000
Phải thu tiền tạm ứng	21.054.570.455	813.062.370
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư	-	1.986.250.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	683.638.077	681.062.342

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa

Mối quan hệ

Cổ đông chính
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</i>		
Phải thu tiền bán hàng	51.973.147.820	77.937.680.535
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	47.248.316.200	70.852.436.850
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	4.724.831.620	7.085.243.685
Thu tiền bán hàng	51.420.000.000	66.860.000.000
Góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh	37.000.000.000	-
Hàng bán bị trả lại	174.075.000	-
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	158.250.000	-
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	15.825.000	-

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa

Doanh thu cho thuê văn phòng	40.000.000	120.000.000
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	36.363.636	109.090.909
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	3.636.364	10.909.091
Thu lại gốc vay	-	3.000.000.000
Thu viên lãi cho vay có kỳ hạn	-	129.791.666
Thu tiền cho thuê văn phòng	50.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	41.675.225.473	17.122.077.653
Phải thu tiền bán hàng	17.501.150.473	17.122.077.653
Các khoản hợp tác đầu tư dài hạn	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	-	10.000.000
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	-	10.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	215.279.853.727	9.653.400.326	28.979.920.479	-	253.913.174.532
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	60.509.555.382	28.418.180	1.476.647.205	(62.014.620.767)	-
Tổng doanh thu thuần	275.789.409.109	9.681.818.506	30.456.567.684	(62.014.620.767)	253.913.174.532
Chi phí bộ phận	237.498.069.346	7.639.108.219	21.845.290.419	(62.955.644.501)	204.026.823.483
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	38.291.339.763	2.042.710.287	8.611.277.265	941.023.734	49.886.351.049
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(17.526.992.143)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					32.359.358.906
Doanh thu hoạt động tài chính					317.898.468
Chi phí tài chính					(41.679.969.605)
Thu nhập khác					3.462.764.079
Chi phí khác					(3.018.209.606)
Phân lỗ trong Công ty liên kết					(48.769.861)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(833.871.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(70.576.780)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.511.375.999)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	269.045.900	-	-	-	269.045.900
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.418.746.439	-	126.142.342	-	8.544.888.781

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản thực tiếp của bộ phận	362.566.204.569	4.760.698.716	11.540.935.849	(28.899.651.245)	349.968.187.889
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	213.532.416.757	4.760.698.716	11.540.935.849	(18.444.574.166)	211.389.477.156
Nợ phải trả thực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	211.389.477.156

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.960.294.739	6.627.192.023	3.960.294.739	6.627.192.023
Phải thu khách hàng	110.796.570.214	62.912.706.288	110.796.570.214	62.912.706.288
Các khoản phải thu khác	44.518.662.487	53.738.668.065	44.518.662.487	53.738.668.065
Cộng	159.275.527.440	123.278.566.376	159.275.527.440	123.278.566.376
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	131.217.765.150	213.264.157.143	131.217.765.150	213.264.157.143
Phải trả người bán	8.146.219.348	20.464.228.002	8.146.219.348	20.464.228.002
Các khoản phải trả khác	9.807.003.356	14.548.460.285	9.807.003.356	14.548.460.285
Cộng	149.170.987.854	248.276.845.430	149.170.987.854	248.276.845.430

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	131.217.765.150	-	-	131.217.765.150
Phải trả người bán	8.146.219.348	-	-	8.146.219.348
Chi phí phải trả	6.125.788.442	-	-	6.125.788.442
Các khoản phải trả khác	1.391.187.460	2.290.027.454	-	3.681.214.914
Cộng	<u>146.880.960.400</u>	<u>2.290.027.454</u>	<u>-</u>	<u>149.170.987.854</u>
				-
Số đầu năm				
Vay và nợ	126.653.293.728	86.610.863.415	-	213.264.157.143
Phải trả người bán	20.464.228.002	-	-	20.464.228.002
Chi phí phải trả	11.391.886.174	-	-	11.391.886.174
Các khoản phải trả khác	1.283.300.358	1.873.273.753	-	3.156.574.111
Cộng	<u>159.792.708.262</u>	<u>88.484.137.168</u>	<u>-</u>	<u>248.276.845.430</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

82.
TY
HỮU
TOÁ
VIỆ
IP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, trong đó, một số chỉ tiêu năm trước có sai sót được trình bày lại theo quy định. Cụ thể:

Thay đổi chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" (Mã số 70 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất):

Số trước điều chỉnh (1.011)

Số điều chỉnh (102)

Số sau điều chỉnh (1.113)

Thuyết minh về số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm (thuyết minh số VI.11 trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất):

Chỉ tiêu	Số năm trước	Số điều chỉnh	Số năm trước sau điều chỉnh
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	(3.849.578)	10.999.998
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu bằng tiền	-	2.369.863	2.369.863
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành để chi trả cổ tức	674.789	-	674.789
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng	674.789	-	674.789
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.199.154	(1.479.715)	14.719.439

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

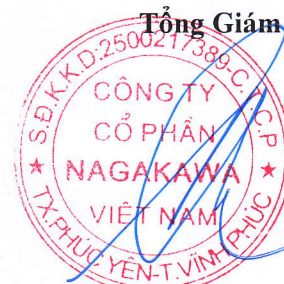
Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương